

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHƯỚC LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 03/2023/DS-ST

Ngày: 18 - 01 - 2023

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán
tài sản*”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh P

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH B PHƯỚC

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Đường, ông Điều Phương.

- *Thư ký phiên tòa:* bà Đặng Thị Vui – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa:* bà Nguyễn Thị Thu Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 90/2022/TLST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2022 v/v “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2022/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/QĐST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Võ Thị Thu H sinh năm: 1975, Địa chỉ: khu phố 6, phường A , thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước

Bị đơn: bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1984, địa chỉ: Khu phố 1, , TX Phước Long, tỉnh B Phước.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: ông Võ Bá H1, sinh năm: 1976
Địa chỉ: Khu phố 1, phường X, TX Phước Long, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn – Bà Võ Thị Thu H trình bày:

Từ tháng 06 đến tháng 08 năm 2021 bà H và bà T có làm ăn mua bán hạt điều nhân thường xuyên, chốt lại bà T còn thiếu nợ bà H số tiền 2.777.328.000đ. Bà đã nhiều lần hối thúc bà T trả số tiền trên nhưng bà cứ hứa hẹn.

Khi hứa hẹn bà T có đưa cho bà H giữ làm tin 03 tờ giấy mua bán đất giữa bà T với ông Nguyễn Đình T1, ký ngày 28/03/2021; 01 giấy ký giữa bà T với ông Trần

Hữu , bà Trần Thị Thu H2; giấy ký ngày 17/09/2021; 01 giấy mua bán giữa bà T với ông Lê Quang B, giấy ký ngày 06/09/2021(kèm theo trong hồ sơ khởi kiện). Mục đích là để bà H mang giấy này đi cầm cố cho bên thứ ba để thu hồi nợ nhưng bà H thấy đây là giấy viết tay nên cầm làm tin chứ không mang đi cầm cho người khác.

Bà H cho rằng bà T mua bán lấy tiền về lo cho gia đình chồng con; bà T cũng thừa nhận chồng bà là ông H1 không đi làm chỉ ở nhà giữ con và chăm lo nhà cửa, toàn bộ số tiền chi tiêu trong gia đình là do bà T làm ra hết. Do vậy bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T và ông H1 liên đới chịu trách nhiệm trả số tiền trên cho bà.

Bị đơn – bà Nguyễn Thị T trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Từ tháng 03 đến tháng 08 năm 2021, bà và bà H có làm ăn mua bán hạt điều nhân thường xuyên, chốt lại bà còn thiếu nợ bà H số tiền 2.777.328.000đ. Bà H đã nhiều lần hỏi thúc bà trả số tiền trên nhưng do bà làm ăn thua lỗ nên không có tiền để trả cho bà H.

Bà cũng thừa nhận, bà có đưa cho bà H giữ làm tin 03 tờ giấy mua bán đất giữa bà T với ông Nguyễn Đình T1, ký ngày 28/03/2021; 01 giấy ký giữa bà với ông Trần Hữu P, bà Trần Thị Thu H2; giấy ký ngày 17/09/2021; 01 giấy mua bán giữa tôi với ông Lê Quang B, giấy ký ngày 06/09/2021 với mục đích để bà H đi cầm cố để thu hồi nợ.

Khi mua bán, tiền thu nhập và lãi một phần lo cho gia đình còn phần khác là xoay sở lãi lời. Chồng bà không có việc làm ở nhà chăm con và lo cho gia đình, mọi chi phí sinh hoạt trong nhà thì bà lo hết.

Nay bà H khởi kiện thì bà có nguyện vọng cho bà sắp xếp trả dần tiền cho bà H chứ hiện tại bà đang rất khó khăn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Bá H1 trong quá trình giải quyết vụ án và tại Tòa trình đều vắng mặt nên không có ý kiến trình bày:

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử: Đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị T và ông Võ Bá H1 có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị T và ông Võ Bá H1 có nghĩa vụ liên đới trả cho đơn là bà H số tiền là 2.777.328.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do, căn cứ vào các điều 227, 280 bộ luật tố tụng dân sự, vụ án vẫn đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

[2] Đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[3] *Xét lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn:*

Tại đơn khởi kiện, bản tự ghi lời khai, nguyên đơn bà H đều trình bày có làm ăn mua bán hạt điều nhân thường xuyên với bị đơn là bà T. Chốt lại bà T còn thiếu nợ bà H số tiền tiền 2.777.328.000đ và bị đơn bà T cũng thừa nhận số tiền còn thiếu do việc mua bán với nhau giữa hai người như nguyên đơn trình bày. Đây là tình tiến không phải chứng minh. Nguyên đơn yêu cầu bà T và chồng là ông H1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền trên là phù hợp với quy định.

[4] Xét lời trình bày của bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn thừa nhận số tiền còn thiếu trên và bà cũng thừa nhận trong gia đình bà là lao động chính, mọi thu nhập phát sinh từ việc mua bán cũng như làm ăn của bà thì bà tran trải nợ nần, phần bà phục vụ cho gia đình chồng con vì chồng bà không làm gì ra tiền chỉ ở nhà trông nom việc nhà và con cái. Nhưng do bà khó khăn nên bà không có tiền trả ngay cho bà H nên bà xin khác trả sau. Mặc khác, trong luật hôn nhân gia đình cũng đã quy định, nợ trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng là nợ chung nếu một trong hai bên hoặc cả hai bên không chứng minh được đó là nợ riêng.

Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn là buộc bị đơn bà T và ông H1 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải liên đới trả cho Nguyên đơn số tiền trên là hoàn toàn có cơ sở, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Võ Bá H1: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng ông không hợp tác làm việc cũng như không thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, như vậy ông tự mình từ bỏ quyền lợi của mình.

[5] Quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Nguyên đơn không phải chịu án phí nên được hoàn trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 91; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1,3 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tổ tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng: các Điều 429, 430, 440 Bộ luật dân sự 2015; Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Thu H đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Tvà người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan quan ông Võ Bá H1 về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Tvà ông Võ Bá H1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Võ Thị Thu Thị H số tiền là tiền 2.777.328.000đ (Hai Tỷ bảy trăm bảy mươi bảy triệu ba trăm hai mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Bà Nguyễn Thị Tvà ông Võ Bá H1 phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch là 87.546.560 đồng (tám mươi bảy triệu năm trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm sáu mươi đồng).

3.2. Hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Võ Thị Thu H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 43.773.280 đồng (Bốn mươi ba triệu bảy trăm bảy mươi ba nghìn hai trăm tám mươi đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0008317 ngày 19/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, Người có quyền lợi Nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long;
- THA DS TX P.Long
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THỊ MINH NGHĨA

